SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **ĐỀ CHÍNH THỨC**	**KỲ THI TUYỂN SINH LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG** **NĂM HỌC 2014 – 2015** **MÔN THI: TIẾNG ANH** **Ngày thi: 21 tháng 6 năm 2014** **Thời gian làm bài: 60 phút** ***(Không kể thời gian phát đề)***

Họ và tên thí sinh: _____ Trường: _____ Số báo danh: _____	Chữ ký giám thị 1	Chữ ký giám thị 2	SỐ CỦA MỖI BÀI Từ 1 đến 30 do Giám thị ghi SỐ PHÁCH do CT HĐ chấm thi ghi

Điểm bằng số	**Điểm bằng chữ**	Chữ ký giám khảo 1	Chữ ký giám khảo 2	SỐ PHÁCH do CT HĐ chấm thi ghi SỐ CỦA MỖI BÀI Từ 1 đến 30 do Giám thị ghi

Điểm phần I	Điểm phần II	Điểm phần III	Điểm phần IV	Điểm phần V	Điểm phần VI	Điểm phần VII	Điểm tổng

I. <u>Choose the word / phrase (A, B, C or D) that best fits the space in each sentence</u>. (2.5 pts)

1. - "Do you like watching the news, Thang?" - "_____. It's very informative."
A. Yes, I do B. Not really C. No, I don't D. Quite the opposite

2. Plastic bags seem good for carrying things. _____, people carelessly throw them away after use.
A. Because B. However C. Although D. Therefore

3. An anthem is a song which is sung _____ special occasions.
A. of B. at C. on D. in

4. It was the world's _____ volcanic eruption in more than 50 years.
A. large B. larger C. the largest D. largest

5. The 2014 UN Day of Vesak attracted thousands of Buddhists from nearly 100 countries _____ the world.
A. on B. at C. around D. above

6. In the afternoon, when Tam _____ his homework, he helps Mr. Brown on the farm.
A. takes B. completes C. does D. makes

7. Mr. Bao said,"I am so _____ of having been a Dien Bien Phu soldier."
A. interested B. excited C. proud D. keen

8. They _____ go fishing offshore if they had a bigger boat.
A. can B. may C. could D. will

9. "To the _____ me to love this country."
A. person teaches B. man that teach C. one who teaches D. who teaching

10. - "_____." - "But Grandma, the forecast says it'll be sunny."
A. Remember the new words by heart B. Let's eat out
C. Let me go shopping D. Don't forget to bring along a raincoat

Thí sinh <u>chỉ viết mẫu tự</u> (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào các ô trả lời.

Answers: **1.** _____ **2.** _____ **3.** _____ **4.** _____ **5.** _____

6. _____ **7.** _____ **8.** _____ **9.** _____ **10.** _____

LIVEWORKSHEETS

~~THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY~~

==========

II. Choose the underlined word or phrase (A, B, C or D) that needs correcting. (0.5 pt)

11. Plastic is <u>make</u> (A) from natural gases and <u>petroleum</u> (B) – a <u>thick</u> (C) oil that people remove <u>from</u> (D) the earth.

12. The festival was <u>an</u> (A) opportunity <u>to tighten</u> (B) solidarity and <u>friendly</u> (C) to make a <u>better society</u> (D).

Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào các ô trả lời.

Answers: **11.** _____ **12.** _____

III. Choose the word (A, B, C or D) that best fits the blank space in the following passage. (1.5 pts)

If you ask me about the person who has the most influence on my life, I must (13)_____ you it is my father. You ask me what I think about my father. Great! Great! My father is the best person in the world. Do you know what I (14)_____? He is a considerate and generous man who is loved not only by his family (15)_____ by all his friends. His great sense of humor (16)_____ him from others. To his colleagues, he is a (17)_____ man who is always helpful and creative in his job. In a word, my father's terrific! I'm so happy to have him as a friend, an advisor, and (18)_____ a father. I love him so much. Happy Father's Day, Daddy!

13.	A. speak	B. say	C. tell	D. talk
14.	A. suppose	B. expect	C. believe	D. mean
15.	A. but also	B. and also	C. but as well	D. and neither
16.	A. amuses	B. takes	C. prevents	D. distinguishes
17.	A. hard-work	B. working-hard	C. hard-working	D. work-hard
18.	A. besides	B. almost	C. above all	D. at least

Thí sinh chỉ viết mẫu tự (A, B, C, hoặc D) đại diện cho câu trả lời đúng vào các ô trả lời.

Answers: **13.** _____ **14.** _____ **15.** _____ **16.** _____ **17.** _____ **18.** _____

LIVEWORKSHEETS

~~THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY~~

==========

IV. Read the passage, then decide if the statements that follow it are True or False. (1.0 pt)

The *ao dai*, the traditional dress of Vietnamese women, has a long history. In the early 17th century, Vietnamese clothing designers made changes to the design of the traditional Chinese costume, creating the primitive forms of the present *ao dai*. This creativity showed Vietnam's strong sense of independence. The *ao dai*, with different designs and materials, was traditionally worn by both men and women. Over the years, despite the coming of western clothing for more convenience in daily activities of modern life, the *ao dai* has been there to stay. Therefore, Vietnamese women go on wearing this unique dress, which is both traditional and fashionable and which conveys our rich culture to the world.

19. The *ao dai* had its start at the beginning of the 17th century.
20. Vietnamese *ao dai* and Chinese dresses are exactly the same.
21. Both men and women wore the *ao dai* in Vietnam many years back.
22. Although a little inconvenient in modern life, the *ao dai* is uniquely fashionable.

Thí sinh viết đầy đủ từ True hoặc False vào ô trả lời.
Mọi cách viết khác đều không được chấm điểm.

Answers: **19.** _____ **20.** _____ **21.** _____ **22.** _____

V. Use the correct form of the word given in each sentence. (1.5 pts)

23. The drivers have left lots of garbage on the ground after their _____. **(refresh)**
24. One of the things that make our country _____ is the East Sea. **(beauty)**
25. The _____were disappointed that people had spoiled the area. **(environmental)**
26. That industrial country is seeking and exploiting _____ resources to satisfy its demand. **(nature)**
27. To attend the course, you first need to pass our _____ Vietnamese test. **(speak)**
28. The fishing boat was _____ damaged in the storm. **(bad)**

Answers: **23.** _____ **24.** _____ **25.** _____

26. _____ **27.** _____ **28.** _____

LIVEWORKSHEETS

~~*THÍ SINH KHÔNG ĐƯỢC VIẾT GÌ VÀO PHÁCH NÀY*~~

==========

VI. Use the correct tense or form of the verb given in each sentence. (1.0 pt)

29. If the weather _____ bad tomorrow, we will not go camping. (**be**)
30. You should take part in _____ used paper and cans for recycling. (**collect**)
31. No one _____ picnic lunches for us yet. (**provide**)
32. I can also _____ with my friends by means of e-mails. (**communicate**)

Answers: **29.** _____ **30.** _____ **31.** _____ **32.** _____

VII. Rewrite each of the following sentences in another way so that it means almost the same as the sentence printed before it. (2.0 pts)

33. It's a pity I don't have more time for my hobby.

→ *I wish* _____

34. Why don't you make posters on energy saving?

→ *I suggest that you* _____

35. "We are keen on setting out to sea again," said the fishermen.

→ *The fishermen said that* _____

36. They began using that computer three months ago.

→ *That computer has* _____

Answers:

33. *I wish*_____

34. *I suggest that you* _____

35. *The fishermen said that* _____

36. *That computer has* _____

THE END OF THE TEST

LIVEWORKSHEETS